令和 5 18014

ビル街地区 / 道路を中心として全地域 / 北側全地域

高度商業地区 / 全地域 / 道路沿い

繁華街地区 / 南側道路沿い / 南側全地域

普通商業・併用住宅地区 / 全地域 / 北側全地域 南側道路沿い

中小工場地区 / 北側道路沿い 南側全地域 / 北側道路沿い

大工場地区 / 南側全地域 / 北側全地域

普通住宅地区 / 無印は全地域

記号	借地権割合
A	90%
B	80%
C	70%
D	60%

記号	借地権割合
E	50%
F	40%
G	30%

北 西 東 南

18010 / 18013 当図 / 18018

中央区（京橋署）

令和 5 18014

湊３丁目 / 明石町 / 隅田川 / 佃大橋 / 佃堀 / 佃１丁目 / 区立佃島小学校 / 区立佃公園 / 区立佃中学校 / 佃２丁目 / 月島１丁目 / 佃川支川 / 隅田川（派川） / 中央区 / 江東区 / 相生橋 / 区立石川島公園 / 区立石川島公園 / 区立石川高公園 / 佃仲通り / 清澄通り / 西河岸通り / 佃３丁目

790C 680C 680C 680C 520C 710C 750C 830C 680C 520C 520C 750C 770C 730C 550C 710C 760C 730C 750C 930C 1,440C 1,430C 990C 1,300C 1,090C 1,310C 1,070C 770C 1,270C 590C 590C 590C 590C 1,080C 1,460C 1,140C 590C 590C 590C 590C 590C 1,110C 1,090C 1,540C 510C 520C 520C 660C 1,580C 780C 590C 1,010C 1,110C 1,000C 990C 1,000C 1,140C 800C 570C 570C 840C 850C 800C 750C 810C 560C 560C 560C 730C 560C 560C 560C 560C 560C 560C 560C 550C 550C 750C 870C 980C 920C